

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT PHÁT SINH NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------|---|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4)=(5)+(6)+(7) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| | Tổng cộng: 149 công trình, dự án | | 783.31 | 571.35 | 138.78 | 73.18 | 346,826 | | |
| I | Thành phố Lai Châu (26) | | 44.14 | 30.36 | 10.25 | 3.53 | 14,758 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 41.37 | 27.60 | 10.24 | 3.53 | 14,758 | | |
| 1 | Nâng cấp cải tạo tuyến đường giao thông từ Trung đoàn 880 đến bản Tả Xin Chải | Xã San Thàng, phường Đông Phong | 1.30 | 0.18 | 1.11 | 0.01 | 1,000 | Quyết định số 2017a/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh 1,2ha; bổ sung thêm diện tích 1,30 ha |
| 2 | Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong | Xã San Thàng, phường Đông Phong | 1.73 | 0.16 | 1.56 | 0.01 | 800 | Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh 2,25 ha; bổ sung thêm diện tích 1,73 ha |
| 3 | Hệ thống thoát nước sinh hoạt thành phố Lai Châu (Bổ sung hạng mục đầu tư tuyến kênh khu vực suối Nậm Con Gìn) | Xã San Thàng | 4.25 | 2.50 | 1.65 | 0.10 | | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh 15,0 ha; bổ sung thêm diện tích 4,25 ha | Mức vốn bồi thường, GPMB đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 và được quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 4 | Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu | Phường Đông Phong | 13.11 | 9.96 | 1.92 | 1.23 | | Mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đề xuất của UBND thành phố tại Tờ trình số 1231/TTr-UBND ngày 21/5/2021 | Mức vốn bồi thường, GPMB đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 |
| 5 | Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài; Phường Quyết Thắng | 3.85 | 2.05 | 1.40 | 0.40 | 2,400 | Đã được HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 | |
| 6 | Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng | Phường Quyết Thắng | 6.57 | 5.10 | 1.17 | 0.30 | 2,500 | Đã được HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 | Bổ sung vị trí bãi đỗ xe; Dự án chưa có kinh phí GPMB |
| 7 | Hồ Giang Ma | Xã San Thàng | 5.63 | 5.44 | 0.17 | 0.024 | 3,200 | Quyết định số 4091/QĐ-BNN ngày 19/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt đề cương dự toán công trình; Công văn số 1814/BNN-KH ngày 03/12/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT | |
| 8 | Trường THCS xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | 1.03 | 0.70 | 0.33 | | 700 | Đã được HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 9 | Trường Tiểu học Đoàn Kết | Phường Đoàn Kết | 0.21 | 0.07 | 0.13 | 0.01 | 1,558 | Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự án đầu tư | Bổ sung diện tích đường vào trường |
| 10 | Cải tạo khu nuôi nhốt gia súc tập trung bản Gia Khâu, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | 0.31 | 0.30 | 0.01 | | 600 | Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (Điều chỉnh, bổ sung loại đất) |
| 11 | Đường ngõ xóm tổ 23 (Từ hộ ông Tạ Đức Hạnh) | P. Đông Phong | 0.01 | 0.01 | | | | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu đường giao thông nông thôn cho các xã, phường theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm | Dân hiến đất |
| 12 | Đường ngõ xóm 24 (từ NVH tổ 24) | P. Đông Phong | 0.03 | 0.03 | | | | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu đường giao thông nông thôn cho các xã, phường theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm | Dân hiến đất |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|---|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 13 | Đường ngõ xóm Bản Tả Xin Chải (từ nhà Ông Mây đến nhà ông Luyến) | P. Đông Phong | 0.05 | 0.03 | 0.02 | | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu đường giao thông nông thôn cho các xã, phường theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm | Dân hiến đất | |
| 14 | Đường ngõ xóm tổ 23 (từ đường Trường Chinh) | P. Đông Phong | 0.04 | 0.03 | 0.01 | | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu đường giao thông nông thôn cho các xã, phường theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm | Dân hiến đất | |
| 15 | Đường ngõ xóm Bản Tả Xin Chải (từ nhà Ông Vàng Văn Nam- nhà Vàng Văn Hổ) | P. Đông Phong | 0.01 | | 0.01 | | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu đường giao thông nông thôn cho các xã, phường theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm | Dân hiến đất | |
| 16 | Đường Đinh Bộ Lĩnh | P. Đông Phong, Tân Phong | 1.40 | | 0.60 | 0.80 | Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (9,92 ha); đăng ký bổ sung diện tích | Mức vốn bồi thường, GPMB đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| 17 | Kênh thủy lợi Cư Nhà La đến ngã ba Nông trường | Xã Sùng Phài, P. Tân Phong | 0.66 | 0.59 | | 0.07 | 1,000 | Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------|-----------------|---------------------|------------------|---|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 18 | Kênh thoát nước tại trung tâm bản Lùng Than, xã San Thàng | Xã San Thàng | 0.05 | | 0.05 | | Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021 | | |
| 19 | Khắc phục ngập úng dọc tuyến đường Đông Pao, bản Cắng Đẳng, xã San Thàng | Xã San Thàng | 0.15 | 0.15 | | 450 | Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 18/20/2020 của UBND tỉnh Lai Châu | | |
| 20 | Mở rộng khuôn viên Bảo tàng tỉnh | P. Tân Phong | 0.58 | | | 400 | Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 03/7/2007 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất tại phường Tân Phong giao cho Bảo tàng tỉnh | | |
| 21 | Nhà văn hóa bản Sùng Chô | Xã Sùng Phài | 0.10 | | 0.10 | | Đã được thông qua tại NQ số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016. Đăng ký lại do quá hạn | Mức vốn GPMB đã được thông qua tại NQ số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016. | |
| 22 | Điểm trường Mầm non - Tiểu học bản Sùng Phài | Xã Sùng Phài | 0.30 | 0.30 | | 150 | NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021 | | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 2.77 | 2.76 | 0.01 | | | | |
| 23 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường năm 2021 | Xã San Thàng, P Quyết Thắng, Quyết Tiến, Đông Phong | 0.58 | 0.58 | | | Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 128/QĐ-PCLC ngày 22/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------------------------|--------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 24 | Xuyết tuyến 35 kV lộ 371 E29.1, xuất tuyến 2 kV lộ 476 E29.1 trạm 110 kV Phong Thổ và cải tạo lộ 471 E29.1 đoạn từ vị trí 01 đến 18 | Xã San Thàng, Đông Phong, Tân Phong | 0.46 | 0.46 | | | | Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 21/QĐ-PCLC ngày 11/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu | |
| 25 | Dự án đường dây 220kV Phong thổ-Thân Uyên | Xã Sùng Phài, San Thàng | 1.72 | 1.72 | | | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận | |
| 26 | Xây dựng trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn Thành phố Lai Châu | P. Đông Phong, P. Tân Phong | 0.01 | | 0.01 | | | Quyết định số 245/QĐ-VNPT-KHĐT ngày 15/12/2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Phê duyệt giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. | |
| II | Huyện Tam Đường (11) | | 70.73 | 55.12 | 8.03 | 7.58 | 25,914 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 60.07 | 49.26 | 8.03 | 2.78 | 25,914 | | |
| 1 | Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai) | Xã Thèn Sin | 34.52 | 26.76 | 5.65 | 2.11 | 16,000 | Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh có 20,97 ha đoạn trên địa bàn huyện Phong Thổ; bổ sung 34,52 ha đoạn trên địa bàn huyện Tam Đường; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 2 | Trường mầm non xã Sơn Bình, huyện Tam Đường | Xã Sơn Bình | 0.05 | 0.05 | | | 130 | Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 3 | Đường liên xã Khun Há - Bản Bo, huyện Tam Đường | Các xã: Khun Há, Bản Bo, Nà Tăm | 13.70 | 12.90 | 0.80 | | 8,000 | Đã được HĐND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| 4 | Đường nội đồng bản Mường Mớ, Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường | Thị trấn Tam Đường | 0.48 | 0.34 | 0.07 | 0.07 | 150 | Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 5 | Xử lý điểm đen tai nạn giao thông khu vực chân đèo (Ô Quý Hồ), đoạn Km68+400 - Km68+800/ QL.4D, tỉnh Lai Châu | Xã Sơn Bình | 2.20 | 0.20 | 1.40 | 0.60 | 100 | Quyết định số 2572/QĐ-TCĐBVN ngày 28/5/2021 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 6 | Điểm bán nông sản xã Giang Ma, huyện Tam Đường | Xã Giang Ma | 0.21 | 0.21 | 0.003 | | 595 | Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Tam Đường v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình | |
| 7 | Sắp xếp dân cư bản Tác Tình, Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường | Thị trấn Tam Đường | 4.80 | 4.75 | 0.05 | | 400 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------------|--|--|--------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 8 | Di chuyển dân cư bản Phô Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai | Xã Hồ Thầu | 3.50 | 3.45 | 0.05 | | 250 | Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước | |
| 9 | Điểm dù lượn Si Thâu Chải, huyện Tam Đường | Xã Hồ Thầu | 0.60 | 0.60 | | | 289 | Quyết định số 403a/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 10.66 | 5.86 | | | 4.80 | | |
| 10 | Xây dựng tượng phật và chùa Linh Ứng trên núi Nùng Nàng | Xã Nùng Nàng | 5.00 | 0.50 | | | 4.50 | Đã xây dựng, hoàn thiện hồ sơ theo Thông báo số 623-TB/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 136/UBND-TN ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng tượng phật và chùa trên núi Nùng Nàng thuộc xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |
| 11 | Đường dây 220kV Phong Thổ, Than Uyên | Thị trấn Tam Đường và các xã: Bản Bo, Nà Tăm, Bình Lư, Hồ Thầu, Giang Ma | 5.66 | 5.36 | | | 0.30 | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |
| III | Huyện Tân Uyên (13) | | 87.04 | 60.98 | 14.41 | | 11.64 | 27,710 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|---|--------------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 79.51 | 53.45 | 14.41 | 11.64 | 27,710 | - | |
| 1 | Cầu Phiêng Hào thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) | Xã Mường Khoa | 0.77 | 0.51 | 0.26 | | 415 | Quyết định số 2131/QĐ-TCĐBVN ngày 15/5/2020 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư dự án | Đã được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục thu hồi đất tại Văn bản số 436/HĐND-VP ngày 05/11/2019 (Bổ sung diện tích 0,77 ha) |
| 2 | Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên | 0.05 | | 0.045 | | 300 | Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Đã được HĐND huyện Tân Uyên quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 |
| 3 | Nâng cấp đường QL32 - Bản Mường - Nậm Cung - Hua Sô | Thị trấn Tân Uyên và các xã: Thân Thuộc, Mường Khoa | 15.80 | 7.64 | 7.83 | 0.34 | 14,000 | Đã được UBND tỉnh giao kế hoạch vốn địa phương năm 2021 tại Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 | |
| 4 | Đường sản xuất xã Nậm Sô | Xã Nậm Sô | 37.03 | 25.92 | | | 11.11 | Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dân hiến đất |
| 5 | Đường giao thông vùng chè xã Phúc Khoa | Xã Phúc Khoa | 1.68 | 0.42 | 1.26 | | | Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dân hiến đất |
| 6 | Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên | 0.94 | 0.77 | 0.13 | 0.04 | 845 | Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|----------------------------------|-------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 7 | Đường giao thông tổ dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bán Cầu Pát xã Thân Thuộc | Xã Thân Thuộc, thị trấn Tân Uyên | 3.00 | 2.60 | 0.40 | | Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dân hiến đất | |
| 8 | Đường giao thông Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên | 0.21 | 0.11 | 0.10 | | Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dân hiến đất | |
| 9 | Khắc phục khẩn cấp chống xói lở bờ suối Hua Chăng thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên | Xã Thân Thuộc, thị trấn Tân Uyên | 6.00 | 5.86 | 0.05 | 0.09 | 7,700 | Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình | |
| 10 | Kè chống sạt lở suối Nậm Cườm, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên, xã Thân Thuộc | 11.80 | 8.30 | 3.50 | | 3,700 | Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình | |
| 11 | Cầu Suối Lĩnh Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) | Xã Hố Mít | 0.77 | 0.30 | 0.41 | 0.06 | 600 | Quyết định số 5289/QĐ-TCĐBVN ngày 03/11/2020 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 12 | Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên | Xã Hố Mít | 1.46 | 1.02 | 0.43 | 0.01 | 150 | Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 7.53 | 7.53 | | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|--|---------------------------------|--------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 13 | Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên | Các xã, thị trấn huyện Tân Uyên | 7.53 | 7.53 | | | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận. | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |
| IV | Huyện Than Uyên (21) | | 76.23 | 59.24 | 13.50 | 3.49 | 29,750 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 71.60 | 57.16 | 11.05 | 3.39 | 29,750 | | |
| 1 | Đường sản xuất bản Củng xã Ta Gia | Xã Ta Gia | 0.60 | 0.60 | | | 200 | Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 2 | Nâng cấp đường Mường Kim - Tà Mung gắn với đường sản xuất khu Nà Phạ, xã Mường Kim | Các xã: Mường Kim, Tà Mung | 25.43 | 14.33 | 10.10 | 1.00 | 18000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| 3 | Mở mới đường nội đồng xã Mường Cang (bản Phiêng Cằm) | Xã Mường Cang | 0.85 | 0.85 | | | | Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dân hiến đất; Không phải GPMB |
| 4 | Mở rộng Trung tâm y tế huyện Than Uyên | Thị trấn Than Uyên | 0.04 | | | | 0.04 | Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 3/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dân hiến đất; Không phải GPMB |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|-----------------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 5 | Cải tạo nâng cấp khuôn viên hồ thị trấn Than Uyên (giai đoạn 3) | Thị trấn Than Uyên | 1.03 | 1.00 | | 0.03 | 1,700 | Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 6 | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đầu tư quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than huyện Than Uyên(giai đoạn 2) | Xã Mường Than | 0.30 | 0.18 | 0.10 | 0.02 | 700 | Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 23/2/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 7 | Bãi đỗ xe, điểm du lịch bán Thảm Phé | Xã Mường Kim | 0.80 | 0.20 | | 0.60 | | Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Không phải GPMB |
| 8 | Bãi đỗ xe bán Pù Quối xã Mường Cang (Đường QL 279 cũ) | Xã Mường Cang | 0.70 | | | 0.70 | | Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Không phải GPMB |
| 9 | Đường sản xuất từ cầu bản Nà Ban đi cánh đồng Hày Lặm đến bản Đông của xã Mường Than | Các xã: Hua Nà, Mường Than | 1.01 | 1.01 | | | | Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Không phải GPMB |
| 10 | Nâng cấp tuyến đường đèo Chè Phả Lao Bản Hồ Ta xã Ta Mung | Xã Ta Mung | 9.50 | 9.50 | | | | Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Không phải GPMB |
| 11 | Đường sản xuất Huổi Bắc xã Pha Mu | Xã Pha Mu | 23.80 | 23.80 | | | | Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Không phải GPMB |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|---|-------------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 12 | Cống tràn liên hợp nội bản Đội 9 xã Phúc Than | Xã Phúc Than | 0.02 | 0.02 | | | | Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Không phải GPMB |
| 13 | Cụm công trình thủy lợi diêm Cù Thàng, Pu San, Đán Tọ, Pá Liêng, Lun xã Tà Mung; Bản Chát, Nà Dân, Nà Háy, Nà Đình, Nà Khương xã Mường Kim | Các xã: Tà Mung, Mường Kim | 7.22 | 5.37 | 0.85 | 1.00 | 9,000 | Công văn số 1598/UBND-TH ngày 7/6/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | |
| 14 | Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT THCS xã Tà Hừa huyện Than Uyên | Xã Tà Hừa | 0.30 | 0.30 | | | 150 | Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND huyện Than Uyên | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 4.63 | 2.08 | 2.45 | 0.10 | | | |
| 15 | Nhà trực vận hành điện lực | Xã Khoen On, Tà Hừa | 0.15 | | 0.05 | 0.10 | | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh 0,05 ha | Đăng ký bổ sung diện tích 0,15 ha |
| 16 | Dự án khu dân cư 5A-7B, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên | Thị trấn Than Uyên | 2.70 | 0.30 | 2.40 | | | Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất; Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh | Điều chỉnh loại đất |
| 17 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên năm 2021 | Xã Mường Than, Mường Kim, Tà Mung, Khoen On | 0.44 | 0.44 | | | | Quyết định số 2583/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|--------------------------|--------------|-----------------|---------------------|------------------|---|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 18 | Đường dây 35kv Tà Hừa-Ta Gia, tạo mạch vòng lộ 371E29.2 với lộ 376 E29.2 | Xã Tà Hừa, Ta Gia | 0.24 | 0.24 | | | Quyết định số 2587/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng | |
| 19 | Đường dây 220kv Phong Thổ - Than Uyên | Xã Phúc Than | 0.16 | 0.16 | | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận. | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng | |
| 20 | Đường dây 220kv Than Uyên - TBA500kv Lào Cai | Xã Phúc Than | 0.82 | 0.82 | | | Công văn số 947/UBND-KTN ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận vị trí hướng tuyến công trình; Công văn số 6205/NPMB-ĐB ngày 12/10/2020 của Ban QLDA các công. | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng | |
| 21 | Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện khu vực huyện Than Uyên, Phong Thổ, Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu theo phương pháp đa chia, đa nối | Xã Mường Than, Mường Kim | 0.12 | 0.12 | | | Quyết định số 1069/QĐ-EVNNPC ngày 11/5/2021 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc phê duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng | |
| V | Huyện Phong Thổ (31) | | 77.90 | 50.31 | 16.80 | 10.79 | 21,938 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 69.64 | 47.33 | 16.52 | 5.79 | 21,938 | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|--------------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 1 | Nhà lớp học MN + TH bản Hồng Thu Mán xã Lán Nhi Thành | Xã Lán Nhi Thành | 0.20 | 0.20 | | | 100 | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | |
| 2 | Trường Mầm Non Ma Li Pho | Xã Ma Li Pho | 0.39 | 0.20 | 0.19 | | 300 | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | |
| 3 | Bổ sung cơ sở vật chất trường TH&THCS số 1 Bản Lang | Xã Bản Lang | 0.09 | 0.06 | 0.03 | | 700 | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | |
| 4 | Đường nội đồng Bản Cang | Xã Khổng Lào | 0.10 | 0.10 | | | | Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 | Dân hiến đất |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 5 | Đường nội đồng Huổi Ta bản Huổi Nả | Xã Khổng Lào | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 | Dân hiến đất | |
| 6 | Đường nội đồng bản Phai Cát | Xã Khổng Lào | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 của UBND xã về việc phê duyệt hồ sơ dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu | Dân hiến đất | |
| 7 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên bản Làng Vây 1 - bản Hoàng Trù Sào | Xã Huổi Luông | 6.20 | 2.80 | 3.40 | | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | Dân hiến đất | |
| 8 | Đường GTNT liên bản Huổi Luông 3 - Nậm Le 2 (GD2), xã Huổi Luông | Xã Huổi Luông | 4.30 | 1.90 | 2.40 | | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | Dân hiến đất | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|--------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 9 | Nâng cấp, cải tạo đường GTNT bản Chang Hoàng 2 - bản U Gia, xã Huổi Luông | Xã Huổi Luông | 9.10 | 4.75 | 4.35 | | | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | Dân hiến đất |
| 10 | Cầu bản Pho (dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh LRAMP) | Xã Đào San | 0.46 | 0.26 | 0.17 | 0.03 | 300 | Văn bản số 8630/BGTVT-KHĐT ngày 01/9/200 của Bộ giao thông vận tải | |
| 11 | Cầu Thèn Thầu (dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh LRAMP) | Xã Bản Lang | 0.46 | 0.33 | 0.11 | 0.02 | 400 | Văn bản số 8630/BGTVT-KHĐT ngày 01/9/200 của Bộ giao thông vận tải | |
| 12 | Nhà văn hóa bản Tô Y Phìn | Xã Mỏ Si San | 0.03 | 0.03 | | | | Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND huyện V/v phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 3) | Dân hiến đất |
| 13 | Khu dân cư xã Mường So | Xã Mường So | 1.50 | 1.50 | | | 2,500 | Đã thông qua tại Nghị quyết số 16,17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 với diện tích 11,5 ha, bổ sung thêm 1,5 ha | Điều chỉnh diện tích, loại đất |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|---|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 14 | Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So) | Xã Nậm Xe | 0,93 | 0,93 | | | | Đã thông qua tại: Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 45,96 ha; tại Nghị quyết số 16,17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 với diện tích 1,4 ha; tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 với diện tích 5,8 ha; bổ sung thêm 0,925 ha | Kinh phí giải phóng mặt bằng đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 |
| 15 | Hạ tầng thiết yếu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Tuyến Km2+800 đến Km7 hạng mục Đường từ cầu Km1 đến khu vực Pô Tô) | Xã Huổi Luông | 5,32 | 2,51 | 2,60 | 0,21 | 4,000 | Nghị Quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 về việc Quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới năm 2021 và Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 về việc Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Tên cũ là Hạ tầng thiết yếu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng |
| 16 | Kè bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại huyện Phong Thổ (Tuyến kè bản Vàng Pheo, bản Phiêng Đanh, xã Mường So) | Xã Mường So | 5,20 | 3,06 | 1,56 | 0,58 | 5,500 | Quyết định số 1882/QĐ-BNN-KH ngày 04/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT | |
| 17 | Nhà văn hóa trung tâm xã Tung Qua Lìn | Xã Tung Qua Lìn | 0,20 | | | 0,20 | | Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND huyện về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 3) | Không phải GPMB |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 18 | Kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông khu vực cột mốc 85(2) địa bàn xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ | Xã Sin Suối Hồ | 0.50 | 0.50 | | | 400 | Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông khu vực cột mốc 85(2) địa bàn xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ | |
| 19 | Khắc phục sạt lở bờ sông biên giới khu vực Mốc giới 68(2) + 2400 hướng về Mốc giới số 67 địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 1) | Xã Mù Sang | 1.60 | 1.40 | | 0.20 | 200 | Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Khắc phục sạt lở bờ sông biên giới khu vực Mốc giới 68(2) + 2400 hướng về Mốc giới số 67 địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 1) | |
| 20 | Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới Nậm Cúm khu vực Mốc giới 68(2) + 800m đến 68(2) + 1500m địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ | Xã Mù Sang | 8.00 | 7.00 | | 1.00 | 2,000 | Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới Nậm Cúm khu vực Mốc giới 68(2) + 800m đến 68(2) + 1500m địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 21 | Cải tạo, mở rộng, xây mới cơ sở làm việc Công an huyện Phong Thổ thuộc Công an tỉnh Lai Châu | Thị trấn Phong Thổ | 2.46 | 2.46 | | | | Đã thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 với tên là "Mở rộng trụ sở công an huyện Phong Thổ" | Mức vốn bồi thường, GPMB đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 |
| 22 | Xây dựng phòng học đa chức năng Trường tiểu học Khổng Lào | Xã Khổng Lào | 0.70 | 0.29 | 0.41 | | 618 | Đã thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 0,56 ha, bổ sung thêm 0,14 ha và đổi lại tên dự án từ "Trường tiểu học Khổng Lào" thành "Xây dựng phòng học đa chức năng Trường tiểu học Khổng Lào" | |
| 23 | Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Cấn Co, Lũng Thàng, Pa Khóa, Noong Hèo, Nậm Quẩy huyện Sin Hồ; các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Manh huyện Nậm Nhùn; thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường; thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ (Hạng mục: Hệ thống rãnh thoát nước và môi trường điểm TĐC Huổi Luông; Đường giao thông điểm TĐC Huổi Luông) | Thị trấn Phong Thổ | 0.75 | 0.40 | 0.10 | 0.25 | | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong năm 2021-2025 | Dân hiến đất |
| 24 | Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải huyện Sin Hồ; các xã: Nậm Manh, Nậm Hàng, Lê Lợi huyện Nậm Nhùn; thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ (Hạng mục: Thủy lợi Nậm Hang) | Thị trấn Phong Thổ | 1.75 | 1.20 | 0.05 | 0.50 | 1,920 | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong năm 2021-2025 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|-------------------------------------|-------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 25 | Nâng cấp đường Mỏ Sỉ San - Sỉ Lở Lầu, huyện Phong Thổ | Xã Mỏ Sỉ San, Sỉ Lở Lầu | 3.00 | 2.00 | 0.25 | 0.75 | 1,000 | Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND Lai Châu V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường Mỏ Sỉ San - Sỉ Lở Lầu, huyện Phong Thổ | |
| 26 | Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lùng Than - Vàng Ma Chải | Xã Ma Li Pho, Mù Sang, Vàng Ma Chải | 16.20 | 13.25 | 0.90 | 2.05 | 2,000 | Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND V/v phê duyệt dự án: Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lùng Than - Vàng Ma Chải | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 8.26 | 2.98 | 0.28 | 5.00 | - | | |
| 27 | Đường dây 35kV Nậm Pậm - Tà Ghênh, tạo mạch vòng lộ 375 E29.4 với lộ 373 E29.4 | TT Phong Thổ | 0.20 | 0.16 | 0.03 | 0.01 | | Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 20/QĐ-PCLC ngày 11/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu | |
| 28 | Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên | Xã Lân Nhi Thàng | 2.15 | 2.05 | 0.10 | | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận. | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|---|---------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 29 | Trạm biến áp 220kV Phong Thổ | Xã Mường So, Lân Nhi Thành | 5.18 | 0.13 | 0.15 | 4.90 | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận. | |
| 30 | Nhà trực vận hành xã Si Lở Lầu | Xã Si Lở Lầu | 0.02 | 0.02 | | | | Quyết định số 2583/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 31 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Phong Thổ năm 2021 | 17 xã, thị trấn | 0.71 | 0.62 | | 0.09 | | Quyết định số 2583/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| VI | Huyện Sin Hồ (22) | | 182.08 | 113.75 | 61.33 | 7.00 | 146,900 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 180.47 | 112.30 | 61.17 | 7.00 | 146,900 | | |
| 1 | Đường thị xã Lai Châu-thị trấn Sin Hồ, địa phận huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu các xã Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Các xã Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sin Hồ | 6.87 | 5.50 | 1.37 | | 9,000 | Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án | Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất |
| 2 | Nâng cấp trường tiểu học trung tâm xã Pa Tàn, huyện Sin Hồ | Xã Pa Tàn | 0.25 | | 0.25 | | 400 | Đã được HĐND huyện Sin Hồ phê duyệt kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 | |
| 3 | Đường Noong Hèo, Nậm Coóng, Nậm Cuối huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Xã Noong Hèo; Nậm Cuối | 7.50 | 5.00 | 2.50 | | 12,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 4 | Nâng cấp đường Lao Lử Đề - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Xã Nậm Tăm; Tả Ngáo | 13.30 | 10.50 | 2.80 | | 16,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| 5 | Nâng cấp đường ngã 3 UBND huyện đến ngã 3 Trung tâm Y tế | Thị trấn Sin Hồ | 2.00 | | 2.00 | | 1,000 | Đã được HĐND huyện Sin Hồ phê duyệt kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 | |
| 6 | Đường Ha Vu Chứ - Chinh Chu Phìn xã Tủa Sín Chải | Xã Tủa Sín Chải | 7.00 | 5.20 | 1.80 | | 11,000 | Đã được HĐND huyện Sin Hồ phê duyệt kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 | |
| 7 | Nước sinh hoạt số 02 khu tái định cư Nậm Mạ xã Nậm Mạ, huyện Sin Hồ | Xã Nậm Mạ | 0.80 | 0.60 | 0.20 | | 600 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| 8 | Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Nậm Cọ, xã Nậm Cuối | Xã Nậm Cuối | 1.35 | 1.20 | 0.15 | | 900 | Đã được HĐND huyện Sin Hồ phê duyệt kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 | |
| 9 | Thủy lợi Huổi Hin Lạp, xã Nậm Cuối | Xã Nậm Cuối | 1.20 | 0.90 | 0.30 | | 800 | Đã được HĐND huyện Sin Hồ phê duyệt kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 | |
| 10 | Đường liên bản Thành Chử xã Tủa Sín Chải | Xã Tủa Sín Chải | 42.00 | 27.40 | 12.60 | 2.00 | 23,000 | | |
| 11 | Thủy lợi bản Cại | Xã Chăn Nưa | 0.90 | 0.70 | 0.20 | | 700 | Đã được HĐND huyện Sin Hồ phê duyệt kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 12 | Hạ tầng sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Nậm Kinh, xã Nậm Co, huyện Sin Hồ | Xã Căn Co | 3.20 | 3.00 | 0.20 | | 4,000 | Văn bản số 19/UBND-TH ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp dự kiến sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ | |
| 13 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Căn Co, Lũng Thàng, Pa Khóa, Noong Hèo, Nậm Cuối huyện Sin Hồ; các xã Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Mạnh huyện Nậm Nhùn; thị trấn Tam Đường huyện Tam Đường; thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ | Các xã: Căn Co, Lũng Thàng, Pa Khóa, Noong Hèo, Nậm Cuối | 12.50 | 11.50 | 1.00 | | 15,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 | |
| 14 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Cha, Căn Co, Noong Hèo, Nậm Mạ huyện Sin Hồ | Các xã: Nậm Cha, Căn Co, Noong Hèo, Nậm Mạ | 34.00 | 17.20 | 16.80 | | 19,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 | |
| 15 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ huyện Sin Hồ | Các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ | 30.25 | 14.85 | 15.40 | | 15,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|--|-------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 16 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải huyện Sin Hồ; Các xã Nậm Manh, Nậm Hàng, Lê Lợi huyện Nậm Nhùn; thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ | Các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải | 3.30 | 2.50 | 0.80 | | 4,500 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 | |
| 17 | Cải tạo tuyến đường Séo Lèng - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ (Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng toàn bộ đoạn tuyến và các công trình trên tuyến từ Km 17+00-Km 32+00) | Xã Nậm Tăm | 2.00 | 0.25 | 0.75 | 1.00 | 2,000 | Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, bổ sung dự án: Cải tạo tuyến đường Séo Lèng - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ (Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng toàn bộ đoạn tuyến và các công trình trên tuyến từ Km 17+00-Km 32+00) | |
| 18 | Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS xã Tả Ngáo | Xã Tả Ngáo | 0.05 | | 0.05 | | | Chưa có bản vẽ vị trí ranh giới công trình theo quy định tại Điều 36, Thông tư 01/2021/TT-BTNMT | Không phải GPMB; Phần mở rộng của trường cũ, dân tự nguyện hiến đất |
| 19 | Đường ra biên giới đoạn từ bản Pho I - Nậm Tàn Mông - Mốc 56, huyện Sin Hồ | Xã Pa Tàn | 12.00 | 6.00 | 2.00 | 4.00 | 12,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 1.61 | 1.45 | 0.16 | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------------|---|--|---------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 20 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Phong Thổ và huyện Sin Hồ năm 2021 | Các xã: Làng Mỏ, Nậm Hăn, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tà Ngáo và thị trấn Sin Hồ | 1.17 | 1.05 | 0.12 | | | Quyết định số 2546/QĐ-PCLC ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |
| 21 | Công trình: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực TP Lai Châu và huyện Sin Hồ theo phương pháp đa chia - đa nối | Các xã: Nậm Tăm, Pa Khóa | 0.28 | 0.26 | 0.02 | | | Quyết định số 1366/QĐ-PCLC ngày 23/7/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |
| 22 | Đường dây 35kV Nậm Pây - Tà Ghênh, tạo mạch vòng lộ 375 E29.4 với lộ 373 E29.4 | Xã Phìn Hồ | 0.16 | 0.14 | 0.02 | | | Công văn số 4430 /CV –EVNNPC-KT ngày 24/8/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc lập phương án bảo đảm cấp điện năm 2021-2022 | Dự án chưa có kinh phí giải phóng mặt bằng |
| VII | Huyện Nậm Nhùn (19) | | 179.30 | 158.23 | 4.99 | 16.08 | 30,356 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 138.63 | 119.57 | 3.96 | 15.10 | 30,356 | | |
| 1 | Trụ sở làm việc xã Nậm Pi | Xã Nậm Pi | 0.25 | 0.05 | | 0.20 | 500 | Đã được HĐND tỉnh chấp thuận mức vốn bồi thường, GPMB tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020, Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh 1,96ha và quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020, Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh 1,96 ha. Điều chỉnh thay đổi vị trí, bổ sung diện tích |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 2 | Đường Nậm Pi - Pê Ngai | Xã Nậm Pi | 60.00 | 53.90 | 0.80 | 5.30 | 5,000 | Quyết định số 1656/TTg-QHQT ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản | |
| 3 | Đường Pá Bon - Ma Sang | Xã Nậm Pi | 60.00 | 56.80 | 0.70 | 2.50 | 5,000 | Quyết định số 1656/TTg-QHQT ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản | |
| 4 | Đường giao thông vào trường Mầm Non, tiểu học, THCS xã Trung Chải | Xã Trung Chải | 0.70 | 0.70 | - | - | 700 | Đã được HĐND huyện Nậm Nhùn quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 26/11/2020 | |
| 5 | Sắp xếp ổn định dân cư bản Nậm Vời, xã Nậm Pi | Xã Nậm Pi | 1.80 | 0.30 | | 1.50 | 300 | Đã được HĐND huyện Nậm Nhùn quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 26/11/2020 | |
| 6 | Cầu treo Nậm Vạc xã Nậm Ban | Xã Nậm Ban | 0.50 | 0.30 | | 0.20 | 300 | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (phụ lục số 23) và Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|---|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 7 | Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Nậm Nhùn (GĐIII) | TT Nậm Nhùn | 7.40 | 2.00 | 2.40 | 3.00 | 10,000 | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (phụ lục số 11) và Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 | |
| 8 | Dự án sửa chữa, Nâng cấp các công trình Giao thông thuộc các khu điểm tái định cư các xã: Cấn Co, Lũng Thàng, Noong Hèo, Nậm Cuối, Huyện Sin Hồ; các xã Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Manh, huyện nậm Nhùn; Thị trấn Tam Đường huyện Tam Đường, Thị Trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ | Các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Manh huyện Nậm Nhùn | 3.50 | 2.50 | | 1.00 | 1,000 | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục số 16) và Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|---|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 9 | Dự án sửa chữa, Nâng cấp các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt thuộc các khu điểm tái định cư các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải Huyện Sin Hồ; các xã Nậm Manh, Nậm Hàng, Lê Lợi, huyện nậm Nhùn; Thị Trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ | Các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Manh huyện Nậm Nhùn | 2.20 | 1.50 | | 0.70 | 1,000 | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục số 17) và Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 | Đăng ký mới |
| 10 | Đường quảng trường và hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II), huyện Nậm Nhùn (Hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II)) | TT Nậm Nhùn | 1.88 | 1.12 | 0.06 | 0.70 | 1,400 | Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường quảng trường và hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II), huyện Nậm Nhùn | |
| 11 | Nhà máy cấp nước sạch thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn | TT Nậm Nhùn, xã Nậm Hàng | 0.10 | 0.10 | | | 3,156 | Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà máy cấp nước sạch thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn | Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 23/07/2019 thông qua 9,57 ha; bổ sung diện tích loại đất |
| 12 | Trường PTDTBT TH xã Nậm Ban | Xã Nậm Ban | 0.30 | 0.30 | | | 2,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|--|--------------|-----------------|---------------------|------------------|---|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 40.67 | 38.66 | 1.03 | 0.98 | | | |
| 13 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Nậm Nhùn và huyện Mường Tè năm 2021 | Các xã: Pú Dao, Nậm Chà, Nậm Hàng, Trung Chải, thị trấn Nậm Nhùn | 1.79 | 1.7 | 0.1 | | Quyết định số 2547/QĐ-PCLC ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình | Đăng ký mới | |
| 14 | Dự án cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu | Xã Trung Chải, Nậm Ban, Mường Mô, Nậm Chà, Nậm Manh, Lê Lợi | 1.72 | 1.0 | 0.4 | 0.2 | Quyết định số 2503/QĐ-EVNNPC ngày 15/8/2014 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc | Đã được thông qua tại NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu; QĐ số 940/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Lai Châu; diện tích 1,53 ha; Điều chỉnh, bổ sung vị trí xã Lê Lợi | |
| 15 | Hạng mục: Đường dây 35kV đấu nối từ trạm 35kV dự án thủy điện Nậm Ban 1 đến trạm 110kV Nậm Ban 3 - Dự án thủy điện Nậm Ban 1 | Xã Nậm Ban | 0.02 | 0.02 | | | Quyết định số 3714/QĐ-BCT ngày 14/09/2016 của Bộ Công Thương; Giấy phép xây dựng số 712/GPXD ngày 04/9/2018; phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tại quyết định số 14/2018/QĐ-TMHH ngày 28/7/2018 của Công cổ phần đầu tư XD và TM thường mại Hưng Hải | | |
| 16 | Nhà diezen, đường vận hành khu đập đầu mối - Dự án thủy điện Nậm Ban 1 | Xã Nậm Ban | 0.33 | 0.3 | | | Quyết định số 3714/QĐ-BCT ngày 14/09/2016 của Bộ Công Thương; phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tại quyết định số 14/2018/QĐ-TMHH ngày 28/7/2018 của Công cổ phần đầu tư XD và TM thường mại Hưng Hải | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-------------|---|--|--------------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 17 | Dự án đường dây truyền tải công suất các dự án thủy điện Nậm Cuối 1, Nậm cuối 1A, Nậm Cuối 1B và Huổi Văn | Các xã: Nậm Hàng, Hua Bum và TT Nậm Nhùn | 35.40 | 34.6 | 0.3 | 0.5 | | Văn bản số 1273/BCT-ĐL ngày 10/3/2021 của Bộ Công thương về việc bổ sung phương án đầu nối các thủy điện Nậm Cuối 1, Nậm Cuối 1A, Nậm Cuối 1B và Huổi Văn vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lai Châu | |
| 18 | Đường dây 110kV Mường Tè - Nậm Bùm 2 - Nậm Bùm 1 - Nậm Ban và mở rộng trạm biến áp 110kV Nậm Ban | Xã Trung Hải; Xã Nậm Ban; Xã Hua Bum | 1.11 | 0.7 | 0.2 | 0.2 | | Văn bản số 91/UBND-CN ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV Mường Tè - Nậm Bùm 2 - Nậm Bùm 1 - Nậm Ban và mở rộng trạm biến áp 110kV Nậm Ban | |
| 19 | Cải tạo mạch vòng Chăn Nưa - Pú Đao nối lộ 372-E29.3 và 375-E29.4 | Các xã: Lê Lợi, Pú Đao | 0.30 | 0.3 | 0.0 | | | Quyết định số 1990/QĐ-PCLC ngày 28/12/2020 của Cty điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| VIII | Huyện Mường Tè (06) | | 65.91 | 43.36 | 9.49 | 13.06 | 49,500 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 65.91 | 43.36 | 9.49 | 13.06 | 49500.00 | | |
| 1 | Nâng cấp đường giao thông Nậm Lăn - Mốc 17 | Các xã: Ka Lăng, Mù Cả | 34.00 | 24.60 | - | 9.40 | 19,500 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 và UBND tỉnh giao kế hoạch vốn tại Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|------------------------|-----------|-----------------|---------------------|------------------|--|---|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất nông nghiệp | Đất phi nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | | | |
| 2 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mùong Tè, huyện Mùong Tè | Thị trấn Mùong Tè | 4.64 | 1.03 | 3.36 | 0.25 | 6,000 | Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ nguồn vốn Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện các dự án phát triển KTXH | |
| 3 | Hạ tầng sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Nà Hừ, xã Bum Nura, huyện Mùong Tè | Xã Bum Nura | 1.34 | 0.54 | 0.24 | 0.56 | 2,000 | Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Mùong Tè | |
| 4 | Kè chống sạt lở suối Pắc Pạ, xã Vàng San, huyện Mùong Tè | Xã Vàng San | 14.50 | 8.70 | 3.60 | 2.20 | 12,000 | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 | |
| 5 | Kè bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mùong Tè tỉnh Lai Châu (Tuyến kè Thị trấn Mùong Tè, huyện Mùong Tè) | Thị trấn Mùong Tè | 8.93 | 5.99 | 2.29 | 0.65 | 7,000 | Quyết định số 1882/QĐ-BNN-KH ngày 04/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án | |
| 6 | Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cà huyện Mùong Tè | Các xã: Tà Tổng, Mù Cà | 2.50 | 2.50 | | | 3,000 | Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | | | | | | | |

149

26

A

A

A

A

B

B

B

B

B

B

A

|

|

11

A

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

A

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

21

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

A

A

B

B

B

B

B

31

*bỏ kinh phí
GPMB
ngoài ngân
sách*

22

A

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

19

A

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

6

B

B

B

B

B

A

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
PHÁT SINH NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | Diện tích dự kiến chia theo loại đất (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|-----------------------------|---|---------------|-------------------|-------------------|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| (1) | (2) | (3) | (4)=(5)+(6)+(7) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| | Tổng cộng: 126 công trình, dự án | | 259.20 | 132.19 | 122.94 | 4.07 | | |
| I | Thành phố Lai Châu (14) | | 6.03 | 5.43 | 0.60 | - | - | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 5.72 | 5.12 | 0.60 | - | | |
| 1 | Nâng cấp cải tạo tuyến đường giao thông từ Trung đoàn 880 đến bản Tả Xin Chải | Xã San Thàng, P. Đông Phong | 0.07 | 0.07 | | | Quyết định số 2017a/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu | Nghị quyết số 46/NQ-HĐND có 1,2ha; bổ sung thêm 1,31 ha |
| 2 | Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong (Bổ sung) | Xã San Thàng, P. Đông Phong | 0.01 | 0.01 | | | Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu | Nghị quyết số 18/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/Nghị quyết-HĐND có 2,25 ha; bổ sung 1,73 ha |
| 3 | Hệ thống thoát nước sinh hoạt thành phố Lai Châu (BS hạng mục đầu tư tuyến kênh khu vực suối Nậm Con Gin, thành phố Lai Châu) | Xã San Thàng | 0.40 | 0.40 | | | Nghị quyết số 11/Nghị quyết-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh | Nghị quyết số 52/NQ-HĐND có 15 ha; bổ sung thêm diện tích 4,25 ha |
| 4 | Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu | P. Đông Phong | 2.82 | 2.82 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HDDND tỉnh | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------|-----------|---------------|-------------------|-------------------|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 5 | Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài (BS thêm diện tích) | Xã Sùng Phài, P. Quyết Thắng | 0.90 | 0.30 | 0.60 | | Quyết định số 135/NQ- HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố Lai Châu về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 | |
| 6 | Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (bổ sung vị trí bãi đỗ xe) | P. Quyết Thắng | 0.50 | 0.50 | | | Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố Lai Châu về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021; Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND thành phố. | |
| 7 | Hồ Giang Ma | Xã San Thàng | 0.77 | 0.77 | | | Quyết định số 4091/QĐ-BNN-XD ngày 19/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề cương dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư | |
| 8 | Cải tạo khu nuôi nhốt gia súc tập trung bản Gia Khâu, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | 0.15 | 0.15 | | | Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (Điều chỉnh, bổ sung loại đất) |
| 9 | Đường ngõ xóm Bản Tả Xin Chải (từ nhà Ông Mây đến nhà ông Luyến) | P. Đông Phong | 0.01 | 0.01 | | | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu đường giao thông nông thôn cho các xã, phường theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|-----------|---|---|--------------|---------------|-------------------|----------------|---|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng |
| 10 | Kênh thủy lợi Cư Nhà La đến ngã ba Nông trường | Xã Sùng Phài, P. Tân Phong | 0.06 | 0.06 | | | Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021 | |
| 11 | Khắc phục ngập úng dọc tuyến đường Đông Pao, bản Cắng Đẳng, xã San Thàng | Xã San Thàng | 0.03 | 0.03 | | | Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 18/20/2020 của UBND tỉnh | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 0.31 | 0.31 | | | | |
| 12 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường năm 2021 | Xã San Thàng, P Quyết Thắng, Quyết Tiến, Đông Phong | 0.20 | 0.20 | | | Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 128/QĐ-PCLC ngày 22/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu | |
| 13 | Xuyết tuyến 35 kV lộ 371 E29.1, xuất tuyến 2 kV lộ 476 E29.1 trạm 110 kV Phong Thổ và cải tạo lộ 471 E29.1 đoạn từ vị trí 01 đến 18 | Xã San Thàng, Đông Phong, Tân Phong | 0.07 | 0.07 | | | Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 21/QĐ-PCLC ngày 11/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu | |
| 14 | Dự án đường dây 220kV Phong thổ-Thân Uyên | Xã Sùng Phài, San Thàng | 0.04 | 0.04 | | | Công văn số 947/UBND-KTN ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| II | Huyện Tam Đường (13) | | 15.25 | 14.39 | 0.86 | | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 8.28 | 8.28 | | | | |
| 1 | Trường mầm non xã Sơn Bình, huyện Tam Đường | Xã Sơn Bình | 0.03 | 0.03 | | | Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Tam Đường |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|----------------------------------|-------------|---------------|-------------------|----------------|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| 2 | Đường liên xã Khun Há - Bản Bo, huyện Tam Đường | Xã Khun Há, xã Bản Bo, xã Nà Tăm | 0.30 | 0.30 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh |
| 3 | Đường nội đồng bản Mường Mớ, Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường | Thị trấn Tam Đường | 0.34 | 0.34 | | | Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình |
| 4 | Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai) | Xã Thèn Sin | 3.80 | 3.80 | | | Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án |
| 5 | Điểm bán nông sản xã Giang Ma, huyện Tam Đường | Xã Giang Ma | 0.01 | 0.01 | | | Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình |
| 6 | Sắp xếp dân cư bản Tác Tinh, Thị trấn Tam Đường | Thị trấn Tam Đường | 2.00 | 2.00 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh |
| 7 | Di chuyển dân cư bản Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai | Xã Hồ Thầu | 1.80 | 1.80 | | | Kế hoạch số 132/KH-HĐND ngày 22/4/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu; Báo cáo số 405/BC-SNN ngày 16/3/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 6.97 | 6.11 | 0.86 | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------|---------------|-------------------|-------------------|--|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 8 | Thủy điện Đông Pao | Xã Bản Hòn, Thị trấn Tam Đường; xã Bình Lư | 1.85 | 1.85 | | | Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 với diện tích là 15,08 ha. Bổ sung địa điểm, diện tích tại xã Bản Hòn và thị trấn Tam Đường. |
| 9 | Thủy điện Chu Va 2A | Xã Sơn Bình | 1.66 | 0.80 | 0.86 | | Quyết định 162/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Tam Đường theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu |
| 10 | Thủy điện Nậm Han | Xã Thèn Sin | 1.36 | 1.36 | | | Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Nghị quyết số 27/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/12/2018 đã có 0,8 ha; Điều chỉnh bổ sung 1,36 ha |
| 11 | Cửa hàng xăng dầu, gas hóa lỏng tại bản Nà Đon, xã Bình Lư | Xã Bình Lư | 0.15 | 0.15 | | | Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Bổ sung đất lúa còn thiếu) |
| 12 | Xây dựng nhà máy gạch Tuynel tại huyện Tam Đường | Xã Bình Lư | 0.35 | 0.35 | | | Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh Lai Châu; | Bổ sung diện tích |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------------|---|--|--------------|---------------|-------------------|-------------------|---|-------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 13 | Đường dây 220kV Phong Thổ, Than Uyên | Thị trấn Tam Đường và các xã: Bản Bo, Nà Tăm, Bình Lư, Hồ Thầu, Giang Ma | 1.60 | 1.60 | | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận. | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| III | Huyện Tân Uyên (10) | | 35.53 | 27.35 | 5.28 | 2.90 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 23.50 | 23.50 | | | | |
| 1 | Nâng cấp đường QL32 - Bản Mường - Nậm Cung - Hua So | Thị trấn Tân Uyên; các xã Thân Thuộc, Mường Khoa | 3.90 | 3.90 | | | Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn địa phương năm 2021 | |
| 2 | Đường sản xuất xã Nậm Sỏ | Xã Nậm Sỏ | 9.07 | 9.07 | | | Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 3 | Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên | 0.45 | 0.45 | | | Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 4 | Khắc phục khẩn cấp chống xói lở bờ suối Hua chãng thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên | Thị trấn Tân Uyên | 5.80 | 5.80 | | | Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------|--------------|---------------|-------------------|-------------------|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 5 | Kè chống sạt lở suối Nậm Cườm, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên | Xã Thân Thuộc và TT Tân Uyên | 3.90 | 3.90 | | | Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình | |
| 6 | Cầu Suối Lĩnh Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) | Xã Hố Mít | 0.06 | 0.06 | | | Quyết định số 5289/QĐ-TCĐBVN ngày 03/11/2020 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 7 | Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên | Xã Hố Mít | 0.32 | 0.32 | | | Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện Tân Uyên | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 12.03 | 3.85 | 5.28 | 2.90 | | |
| 8 | Thủy điện Hua Be | Xã Phúc Khoa, thị trấn Tân Uyên | 8.50 | 2.50 | 3.10 | 2.90 | Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh đã có 3,45 ha; Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất |
| 9 | Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên | Các xã, thị trấn | 1.35 | 1.35 | | | Công văn 947/UBND-KTN ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh; Công văn số 6205/NPMB-ĐB ngày 12/10/2020 của Ban QLDA các công trình điện miền Bắc | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| 10 | Thủy điện Hố Mít | Xã Hố Mít | 2.18 | | 2.18 | | Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư | Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/07/2019; Bổ sung diện tích đất rừng phòng hộ |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------------|--------------|---------------|-------------------|-------------------|--|-------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| IV | Huyện Than Uyên (15) | | 20.50 | 6.23 | 14.27 | | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 5.14 | 5.14 | | | | |
| 1 | Nâng Cấp đường Mường Kim- Tà Mung gắn với đường sản xuất khu Nà Phạ, xã Mường Kim | Xã Mường Kim, xã Tà Mung | 2.50 | 2.50 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HDND ngày 13/12/2020 của HDND tỉnh | |
| 2 | Mở mới đường nội đồng xã Mường Cang (bản Phiêng Cầm) | Xã Mường Cang | 0.85 | 0.85 | | | Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 05/8/20 của HĐND huyện Than Uyên | |
| 3 | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than huyện Than Uyên (giai đoạn 2) | Xã Mường Than | 0.18 | 0.18 | | | Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 23/2/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 4 | Đường sản xuất từ cầu bản Nà Ban đi cánh đồng Hày Lặm đến bản Đông của xã Mường Than | Xã Hua Nà, Mường Than | 0.01 | 0.01 | | | Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 5 | Nâng cấp tuyến đường đôi Chè Phả Lao Bản Hồ Ta xã Tà Mung | Xã Tà Mung | 0.20 | 0.20 | | | Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 6 | Cụm công trình thủy lợi diêm Cù Thàng, Pu San, Đán Tọ, Pá Liêng, Lun xã Tà Mung; Bản Chát, Nà Dân, Nà Hày, Nà Đình, Nà Khương xã Mường Kim | Xã Tà Mung, Mường Kim | 1.10 | 1.10 | | | Công văn số 1598/UBND-TH ngày 7/6/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|---|--------------|---------------|-------------------|-------------------|--|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 7 | Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT THCS xã Tà Hừa huyện Than Uyên | Xã Tà Hừa | 0.30 | 0.30 | | | Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND huyện Than Uyên | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 15.36 | 1.09 | 14.27 | | | |
| 8 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên năm 2021 | Xã Mường Than, Mường Kim, Tà Mung, Khoen On | 0.16 | 0.16 | | | Quyết định số 2583/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 9 | Dự án khu dân cư 5A-7B, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên | Thị trấn Than Uyên | 0.30 | 0.30 | | | Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (Điều chỉnh loại đất) |
| 10 | Trồng rừng gắn với đầu tư khu du lịch sinh thái xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu | Xã Phúc Than | 8.11 | | 8.11 | | Văn bản số 1062/UBND-KTN ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu khảo sát, đề xuất phương án đầu tư dự án | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| 11 | Hướng tuyến đường dây 110kv đầu nối nhà máy thủy điện Mường Kim 3 vào lưới điện Quốc gia | Xã Mường Kim | 0.17 | 0.15 | 0.02 | | Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 12 | Đường dây 35kV Tà Hừa - Ta Gia, tạo mạch vòng lộ 371E29.2 với lộ 376 E29.2 | Xã Tà Hừa, Ta Gia | 0.11 | 0.11 | | | Quyết định số 2587/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 13 | Đường dây 220Kv Phong Thổ - Than Uyên | Xã Phúc Than | 0.05 | 0.05 | | | Văn bản số 947/UBND-KTN ngày 15/05/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận vị trí | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| 14 | Đường dây 220kv Than Uyên - TBA500kv Lào Cai | Xã Phúc Than | 0.32 | 0.32 | | | Văn bản số 947/UBND-KTN ngày 15/05/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận vị trí | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|----------------------|--------------|---------------|-------------------|-------------------|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 15 | Thủy điện Nậm Mờ 2 | Xã Khoen On, Tà Mung | 6.14 | | 6.14 | | Quyết định số 2610/UBND-CN ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh về việc nhất trí chủ trương cho phép khảo sát, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án | Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/Nghị quyết-HĐND ngày 23/7/2019, Nghị quyết số 03/Nghị quyết-HĐND ngày 22/3/2021 (Điều chỉnh vị trí, diện tích) |
| V | Huyện Phong Thổ (27) | | 20.66 | 17.93 | 2.73 | | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 6.67 | 4.74 | 1.93 | | | |
| 1 | Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sin - Mường So) | Xã Nậm Xe | 0.93 | | 0.93 | | Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình | Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020, Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 (Bổ sung diện tích 0,93 ha (RPH)) |
| 2 | Đường nội đồng Bản Cang | Xã Khổng Lào | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 | |
| 3 | Đường nội đồng Huổi Ta bản Huổi Nả | Xã Khổng Lào | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|-----|---|--------------------|-----------|---------------|-------------------|----------------|--|-------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng |
| 4 | Đường nội đồng bản Phai Cát | Xã Khổng Lào | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 của UBND xã Khổng Lào về việc phê duyệt hồ sơ dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu | |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên bản Làng Vây 1 - bản Hoàng Trù Sào | Xã Huổi Luông | 0.20 | 0.20 | | | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | |
| 6 | Đường GTNT liên bản Huổi Luông 3 - Nậm Le 2 (GD2), xã Huổi Luông | Xã Huổi Luông | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | |
| 7 | Nâng cấp, cải tạo đường GTNT bản Chang Hoàng 2 - bản U Gia, xã Huổi Luông | Xã Huổi Luông | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn cân đối ngân sách và tiền thu sử dụng đất | |
| 8 | Cầu bản Pho (dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh LRAMP) | Xã Đào San | 0.08 | 0.08 | | | Văn bản số 8630/BGTVT-KHĐT ngày 01/9/200 của Bộ giao thông vận tải | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|-----------|---------------|-------------------|-------------------|---|-------------------------------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 9 | Cầu Thèn Thầu (dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh LRAMP) | Xã Bàn Lang | 0.06 | 0.06 | | | Văn bản số 8630/BGTVT-KHĐT ngày 01/9/200 của Bộ giao thông vận tải | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| 10 | Hạ tầng thiết yếu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Tuyến Km2+800 đến Km7 hạng mục Đường từ cầu Km1 đến khu vực Pô Tô) | Xã Huổi Luông | 0.10 | 0.10 | | | Nghị Quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 về việc Quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới năm 2021 | |
| 11 | Kè bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại huyện Phong Thổ (Tuyến kè bản Vàng Pheo, bản Phiêng Đanh, xã Mường So) | Xã Mường So | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định số 1882/QĐ-BNN-KH ngày 04/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT | |
| 12 | Kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông khu vực cột mốc 85(2) địa bàn xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ | Xã Sin Suối Hồ | 0.50 | | 0.50 | | Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông khu vực cột mốc 85(2) địa bàn xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|-------------------------------------|--------------|---------------|-------------------|----------------|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| 13 | Khắc phục sạt lở bờ sông biên giới khu vực Mốc giới 68(2) + 2400 hướng về Mốc giới số 67 địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 1) | Xã Mù Sang | 0.50 | 0.50 | | | Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Khắc phục sạt lở bờ sông biên giới khu vực Mốc giới 68(2) + 2400 hướng về Mốc giới số 67 địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 1) |
| 14 | Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới Nậm Cúm khu vực Mốc giới 68(2) + 800m đến 68(2) + 1500m địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ | Xã Mù Sang | 1.50 | 1.50 | | | Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới Nậm Cúm khu vực Mốc giới 68(2) + 800m đến 68(2) + 1500m địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ |
| 15 | Nâng cấp đường Mỏ Si San - Sì Lở Lầu, huyện Phong Thổ | Xã Mỏ Si San, Sì Lở Lầu | 0.25 | 0.25 | | | Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND Lai Châu V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường Mỏ Si San - Sì Lở Lầu, huyện Phong Thổ |
| 16 | Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lũng Than - Vàng Ma Chải | Xã Ma Li Pho, Mù Sang, Vàng Ma Chải | 1.95 | 1.45 | 0.50 | | Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND Lai Châu V/v phê duyệt dự án: Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lũng Than - Vàng Ma Chải |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 14.00 | 13.19 | 0.81 | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------|-----------|---------------|-------------------|-------------------|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 17 | Thủy điện Tả Páo Hồ 1B | Xã Mồ Sỉ San, xã Sỉ Lở Lầu | 5.13 | 5.13 | | | Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 là 2,67 ha (Bổ sung diện tích 5,13 ha) |
| 18 | Thủy điện Chàng Phàng | Xã Sin Suối Hồ, xã Nậm Xe | 0.85 | 0.85 | | | Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 là 0,45 ha (Bổ sung diện tích 0,85 ha) |
| 19 | Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên | Xã Lán Nhi Thàng | 0.20 | 0.20 | | | Công văn số 1698/TTg-CN ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch các công trình lưới điện để giải tỏa công suất thủy điện khu vực Tây Bắc và lân cận. | |
| 20 | Nhà trực vận hành xã Sỉ Lở Lầu | Xã Sỉ Lở Lầu | 0.02 | 0.02 | | | Quyết định số 2583/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 21 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Phong Thổ năm 2021 | 17 xã, thị trấn | 0.23 | 0.23 | | | Quyết định số 2583/QĐ-PCLC ngày 31/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 22 | Đường dây 35kV Nậm Pậm - Tà Ghênh, tạo mạch vòng lộ 375 E29.4 với lộ 373 E29.4 | TT Phong Thổ | 0.10 | 0.10 | | | Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 20/QĐ-PCLC ngày 11/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------------|--------------|---------------|-------------------|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| 23 | Tuyến đường dây đầu nối nhà máy thủy điện Van Hồ 110kv vào điện lưới quốc gia | Xã Sin Suối Hồ | 0.80 | | 0.80 | Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và Công văn số 7145/BCT-ĐL ngày 24/9/2020 của Bộ Công thương | |
| 24 | Tuyến đường dây đầu nối nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1A vào điện lưới Quốc gia | Xã Sin Suối Hồ | 0.03 | 0.03 | | Quyết định số 4942/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ Công thương; Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Lai Châu; Công văn số 1906/UBND-KTN ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh V/v hướng tuyến đường dây 35kV đầu nối nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1A vào lưới điện Quốc gia | |
| 25 | Tuyến đường dây đầu nối nhà máy thủy điện Chàng Phàng vào điện lưới Quốc gia | Xã Sin Suối Hồ | 0.02 | 0.02 | 0.01 | Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Bộ Công thương và Công văn số 1907/UBND-KTN ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh V/v hướng tuyến đường dây 35kV đầu nối nhà máy thủy điện Chàng Phàng vào lưới điện Quốc gia | |
| 26 | Thủy điện Tả Páo Hồ 1A | Xã Mỏ Sỉ San, Sỉ Lở Lầu | 6.50 | 6.50 | | Đã thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; | Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất |
| 27 | Đường dây truyền tải 110kV nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1 | Xã Nậm Xe | 0.12 | 0.12 | | Công văn số 1556/UBND-CN ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh | Có sơ đồ vị trí phạm vi dự án |
| VI | Huyện Sin Hồ (15) | | 21.90 | 13.10 | 8.80 | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|---|--------------|---------------|-------------------|-------------------|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 20.05 | 12.55 | 7.50 | | | |
| 1 | Đường thị xã Lai Châu-thị trấn Sin Hồ, địa phận huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu các xã Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Các xã Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sin Hồ | 1.30 | 1.30 | | | Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án: Đường thị xã Lai Châu-thị trấn Sin Hồ | Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất |
| 2 | Đường Noong Hèo, Nậm Coóng, Nậm Cuối huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Xã Noong Hèo; Nậm Cuối | 1.00 | 1.00 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh | |
| 3 | Nâng cấp đường Lao Lử Đề - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Xã Nậm Tăm; Tả Ngáo | 1.00 | 1.00 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh | |
| 4 | Đường liên bản Thành Chử xã Tủa Sín Chải | Xã Tủa Sín Chải | 6.40 | 3.40 | 3.00 | | Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Sin Hồ về việc kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021 | |
| 5 | Đường Ha Vu Chứ - Chinh Chu Phìn xã Tủa Sín Chải | Xã Tủa Sín Chải | 0.20 | 0.20 | | | Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Sin Hồ về việc kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021 | |
| 6 | Nước sinh hoạt số 02 khu tái định cư Nậm Mạ xã Nậm Mạ, huyện Sin Hồ | Xã Nậm Mạ | 0.20 | 0.20 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh | |
| 7 | NC, SC thủy lợi Nậm Cọ, xã Nậm Cuối | Xã Nậm Cuối | 0.60 | 0.60 | | | Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Sin Hồ về việc kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021 | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|--|-------------|---------------|-------------------|----------------|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| 8 | Thủy lợi Huồi Hin Lạp, xã Nậm Cuối | Xã Nậm Cuối | 0.45 | 0.45 | | | Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Sin Hồ về việc kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021 |
| 9 | Thủy lợi bản Cại | Xã Chăn Nưa | 0.40 | 0.40 | | | Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Sin Hồ về việc kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021 |
| 10 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải huyện Sin Hồ; Các xã Nậm Mạnh, Nậm Hàng, Lê Lợi huyện Nậm Nhùn; thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ | Các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải | 2.50 | 2.50 | | | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn NSNN 2021-2025 |
| 11 | Đường ra biên giới đoạn từ bản Pho I - Nậm Tản Mông - Mốc 56, huyện Sin Hồ | Xã Pa Tản | 6.00 | 1.50 | 4.50 | | Đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 1.85 | 0.55 | 1.30 | | |
| 12 | Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Phong Thổ và huyện Sin Hồ năm 2021 | Các xã: Làng Mò, Nậm Hăn, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tả Ngáo; TT Sin Hồ | 0.41 | 0.41 | | | Quyết định số 2546/QĐ-PCLC ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------------|--|--------------------------|--------------|---------------|-------------------|----------------|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| 13 | Công trình: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực TP Lai Châu và huyện Sìn Hồ theo phương pháp đa chia - đa nối | Các xã: Nậm Tăm, Pa Khóa | 0.09 | 0.09 | | | Quyết định số 1366/QĐ-PCLC ngày 23/7/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình |
| 14 | Đường dây 35kV Nậm Pậm - Tà Ghênh, tạo mạch vòng lộ 375 E29.4 với lộ 373 E29.4 | Xã Phìn Hồ | 0.05 | 0.05 | | | Công văn số 4430 /CV –EVNNPC-KT ngày 24/8/2020 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc lập phương án bảo đảm cấp điện năm 2021-2022 |
| 15 | Mỏ đá Hồng Thu | Xã Hồng Thu | 1.30 | | 1.30 | | Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi nội dung Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư |
| VII | Huyện Nậm Nhùn (16) | | 62.32 | 35.19 | 27.13 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 19.30 | 19.30 | | | |
| 1 | Đường Nậm Pi - Pè Ngai | Xã Nậm Pi | 9.90 | 9.90 | | | Quyết định số 1656/TTg-QHQT ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ |
| 2 | Đường Pá Bon - Ma Sang | Xã Nậm Pi, Nậm Hàng | 8.80 | 8.80 | | | Quyết định số 1656/TTg-QHQT ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ |
| 3 | Sắp xếp ổn định dân cư bản Nậm Vời, xã Nậm Pi | Xã Nậm Pi | 0.30 | 0.30 | | | Quyết định số 1281a/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Nậm Nhùn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|----------|---|---|--------------|---------------|-------------------|----------------|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng |
| 4 | Dự án sửa chữa, Nâng cấp các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt thuộc các khu điểm tái định cư các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khóa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải Huyện Sìn Hồ; các xã Nậm Mạnh, Nậm Hàng, Lê Lợi, huyện nậm Nhùn; Thị Trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ | Các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Mạnh huyện Nậm Nhùn | 0.30 | 0.3 | | | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục số 17) và Công văn số 2410/UBND-TH ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao chủ đầu tư các dự án khởi công mới Năm 2021 | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 43.02 | 15.89 | 27.13 | | | |
| 5 | Dự án cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu | Xã Lê Lợi | 0.06 | 0.1 | | | Quyết định số 2503/QĐ-EVNNPC ngày 15/8/2014 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc | Đã được thông qua tại NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu; QĐ số 940/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Lai Châu; diện tích 0,31 ha; bổ sung vị trí xã Lê Lợi |
| 6 | Thủy điện Huổi Văn | Xã Nậm Hàng | 1.44 | 1.4 | | | Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư | Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/Nghị quyết-HĐND ngày 23/7/2019 là 5,6 ha (Điều chỉnh diện tích, loại đất) |
| 7 | Thủy điện Nậm Cuối 1 | Các xã Nậm Hàng, TT Nậm Nhùn, Hua Bum, Nậm Pi | 2.90 | | 2.9 | | Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 là 9,1 ha; Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------|---------------|-------------------|-------------------|--|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 8 | Thủy điện Nậm Bùm 1A | Xã Hua Bùm | 1.85 | 0.4 | 1.5 | | Quyết định số 3938/QĐ-BCT ngày 16/10/2017 của Bộ Công thương V/v phê duyệt bổ sung thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu; | Đã được thông qua tại NQ số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu 5,6 ha; Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất |
| 9 | Dự án đường dây truyền tải công suất dự án thủy điện Nậm Cuối 1 | Các xã: Nậm Hàng, Hua Bùm, Nậm Pì và TT Nậm Nhùn | 10.40 | 4.2 | 6.2 | | Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 10 | Dự án đường dây truyền tải công suất dự án thủy điện Nậm cuối 1A | Các xã Nậm Hàng, Hua Bùm, Nậm Pì và TT Nậm Nhùn | 11.20 | 3.9 | 7.3 | | Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 11 | Dự án đường dây truyền tải công suất dự án thủy điện Nậm Cuối 1B | Các xã Nậm Hàng, TT Nậm Nhùn, Hua Bùm, Nậm Pì | 13.00 | 4.6 | 8.4 | | Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 12 | Giảm bán kính cáp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Nậm Nhùn và huyện Mường Tè năm 2021 | Các xã: Pú Dao, Nậm Chà, Nậm Hàng, Trung Chải, TT. Nậm Nhùn | 1.24 | 1.24 | | | Quyết định số 2547/QĐ-PCLC ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-------------|--|---|--------------|---------------|-------------------|-------------------|---|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 13 | Hạng mục: Đường dây 35kV đấu nối từ trạm 35kV dự án thủy điện Nậm Ban 1 đến trạm 110kV Nậm Ban 3 - Dự án thủy điện Nậm Ban 1 | Xã Nậm Ban | 0.02 | | 0.02 | | Quyết định số 3714/QĐ-BCT ngày 14/09/2016 của Bộ Công Thương; Giấy phép xây dựng số 712/GPXD ngày 04/9/2018; phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tại quyết định số 14/2018/QĐ-TMHH ngày 28/7/2018 của Công cổ phần đầu tư XD và TM thường mại Hưng Hải | Hiện trạng không có rừng theo đề xuất của UBND huyện Nậm Nhùn tại Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 17/5/2021 |
| 14 | Nhà diezen, đường vận hành khu đập đầu mối - Dự án thủy điện Nậm Ban 1 | Xã Nậm Ban | 0.33 | | 0.3 | | Có bản vẽ phạm vi công trình theo Quyết định số 14/2018/QĐ-TMHH ngày 28/7/2018 của Công cổ phần đầu tư XD và TM thường mại Hưng Hải về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | Hiện trạng không có rừng theo đề xuất của UBND huyện Nậm Nhùn tại Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 17/5/2021 |
| 15 | Đường dây 110kV Mường Tè - Nậm Bùm 2 - Nậm Bùm 1 - Nậm Ban và mở rộng trạm biến áp 110kV Nậm Ban | Xã Trung chải; Xã Nậm Ban; Xã Hua Bùm | 0.55 | 0.1 | 0.5 | | Văn bản số 91/UBND-CN ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV Mường Tè - Nậm Bùm 2 - Nậm Bùm 1 - Nậm Ban và mở rộng trạm biến áp 110kV Nậm Ban | |
| 16 | Cải tạo mạch vòng Chăn Nưa - Pú Đao nối lộ 372-E29.3 và 375-E29.4 | Các xã: Lê Lợi, Pú Đao | 0.09 | 0.09 | | | Quyết định số 1990/QĐ-PCLC ngày 28/12/2020 của Cty điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| VIII | Huyện Mường Tè (16) | | 77.01 | 12.57 | 63.27 | 1.17 | | |
| a | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN | | 9.75 | 7.25 | 2.50 | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|------------------------|--------------|---------------|-------------------|-------------------|--|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 1 | Nâng cấp đường giao thông Nậm Lăn - Mốc 17 | Các xã: Ka Lăng, Mù Cả | 5.00 | 2.5 | 2.5 | - | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn | |
| 2 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè | Thị trấn Mường Tè | 0.45 | 0.45 | - | - | Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND huyện Mường Tè về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình | |
| 3 | Hạ tầng sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Nà Hừ, xã Bum Nua, huyện Mường Tè | Xã Bum Nua | 0.20 | 0.20 | | | Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình | |
| 4 | Kè chống sạt lở suối Pắc Pa, xã Vàng San, huyện Mường Tè | Xã Vàng San | 1.70 | 1.70 | | | Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh | |
| 5 | Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cả huyện Mường Tè | Các xã Tà Tổng, Mù Cả | 2.40 | 2.40 | | | Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh | |
| b | Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN | | 67.26 | 5.32 | 60.77 | 1.17 | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|-----------|---------------|-------------------|-------------------|---|--|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 6 | Thủy điện Nậm Cầu | Các xã: Pa Vệ Sủ, Bum Tở | 2.76 | - | 2.76 | - | Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh; Điều chỉnh, bổ sung loại đất 2,76 ha |
| 7 | Thủy điện Nậm Luông | Các xã: Tà Tổng, Can Hồ | 2.59 | 1.42 | - | 1.17 | Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh; Điều chỉnh, bổ sung loại đất |
| 8 | Thủy điện Nậm Xí Lùng 2 | Xã Pa Vệ Sủ | 8.00 | 1.00 | 7.00 | | Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 22/8/2017, số 1153/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh; Điều chỉnh, bổ sung diện tích loại đất |
| 9 | Thủy điện Nậm Xí Lùng 2A | Xã Pa Vệ Sủ | 6.00 | 1.00 | 5.00 | | Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | Đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh; Điều chỉnh, bổ sung diện tích loại đất |
| 10 | Dự án khai thác khoáng sản vàng gốc Nậm Kha Á, xã Mù Cả, huyện Mường Tè | Xã Mù Cả | 6.86 | - | 6.86 | - | Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Điều chỉnh giảm diện tích và điều chỉnh tên dự án |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------|-----------|---------------|-------------------|-------------------|---|---|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | | |
| 11 | Đường dây truyền tải điện dự án Nậm Cẩu, Nậm Cẩu Thượng | Các xã: Pa Vệ Sủ, Bum Tở | 0.95 | - | 0.95 | - | Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Cẩu Thượng | |
| 12 | Đường dây 110kV dự án thủy điện Nậm Cùm 2 | Xã Pa Ủ | 5.50 | - | 5.5 | - | Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | |
| 13 | Đường dây 110kV dự án thủy điện Nậm Cùm 3 | Các xã: Pa Ủ, Mường Tè | 7.60 | - | 7.6 | - | Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 14 | Đường dây 110kV dự án thủy điện Nậm Lăn | Các xã: Ka Lãng, Mường Tè | 1.30 | - | 1.3 | - | Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 15 | Thủy điện Thọ Gụ | Các xã: Pa Ủ, Tá Bạ | 9.28 | 0.41 | 8.87 | - | Văn bản số 1653/UBND-CN ngày 06/9/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 802/QĐ-BCT ngày 08/3/2021 của Bộ Công Thương | Biên bản xác nhận hiện trạng rừng của các cơ quan chuyên môn huyện Mường Tè (không có rừng) |
| 16 | Thủy điện Thọ Gụ 1 | Các xã: Pa Ủ, Tá Bạ | 8.12 | 1.19 | 6.93 | - | Văn bản số 1653/UBND-CN ngày 06/9/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 802/QĐ-BCT ngày 08/3/2021 của Bộ Công Thương | Biên bản xác nhận hiện trạng rừng của các cơ quan chuyên môn huyện Mường Tè (không có rừng) |
| 17 | Trường bắn Ban chỉ huy Quân sự huyện Mường Tè | Xã Nậm Khao | 8.30 | 0.30 | 8.00 | - | Quyết định số 1305/QĐ-BQP ngày 08/5/2021 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-----------|---------------|-------------------|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| | | | | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-----------|---------------|-------------------|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| | | | | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-----------|---------------|-------------------|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| | | | | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-----------|---------------|-------------------|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| | | | | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-----------|---------------|-------------------|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| | | | | | | | |

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | (ha) | | | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-----------|---------------|-------------------|---------------|---------|
| | | | Tổng cộng | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | |
| | | | | | | | |

126

14

A

A

A

B

B

B

B

13

B

B

B

B

B

B

B

A

A

A

B

B

10

B

B

B

B

B

B

B

A

B

A

15

B

B

B

B

B

B

A

B

B

B

B

B

B

27

A

A

A

A

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

B

16

B

B

B

A

A

A

A

A

B

B

B

B

B

16

B

B

B

B

A

A

A

A

A

B

B

B

B